

Số: 43 /2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2016, thay thế Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP, BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3). DH 225

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia								
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư.	1. Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài. 2. Hộ dân cư	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng di học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107. - Số lượng và chất lượng nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 2. Điều tra chọn mẫu: - Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau: - Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, lao động và việc làm; - Số giờ làm việc bình quân 1 lao động trong tuần; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0108, 0111, 0201, 0202, 0203, 0204. - Tình hình sinh chết của dân số, tình trạng sử dụng và các điều kiện	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					sinh hoạt của hộ có nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0112, 1602. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1603. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1604.			
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn, nông nghiệp; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất nông nghiệp; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập bản mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	Các hộ ở nông thôn; đơn vị tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở thành thị; trang trại; UBND xã.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; định hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ... trong sản xuất nông, nghiệp, lâm	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiêu hành vào các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					nghiệp và thủy sản; - Thực trạng nông thôn: thực trạng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; - Thông tin về cư dân nông thôn: điều kiện sống của cư dân nông thôn; khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của cư dân nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303.			
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động, làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dân mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê và các ngành khác.	Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp/tổ chức phi chính phủ nước ngoài; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 3 và 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

Số TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
II. Các cuộc điều tra thống kê								
01: Điều tra về Đất đai, dân số, lao động, việc làm								
04	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp; Làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và làm căn cứ đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất; Làm căn cứ cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Cung cấp thông tin phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất của từng địa phương theo quy định của Luật Đất đai.	1. Người sử dụng đất, người quản lý đất. 2. Xã, phường, thị trấn	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích và đối tượng sử dụng; - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính; - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101.	Chu kỳ 5 năm, ngày 31 tháng 12 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính.
05	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số và nhà ở, đánh giá các chương trình dân số và nhà ở quốc gia.	1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. 2. Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0112. - Tình hình sinh chết của dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp.